TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 362/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 23 - 05 - 2022
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Phan Minh Trâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Thanh Hiền;

Ông Phạm Thành Trại.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Văn Đông, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa***: Bà Lương Thị Trà My - Kiểm sát viên.

Vào ngày 23 tháng 05 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 46/2022/TLST-HNGĐ ngày 10/02/2022 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/4/2022, và Quyết định hoãn phiên tòa số 48/QĐHPT-DS ngày 10/5/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Dương Thị Ngọc B**, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Ấp TL1, xã TLĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Anh **Trịnh Văn M,** sinh năm 1972.

Địa chỉ: Ấp TL1, xã TLĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

(Chị B, anh M đều vắng mặt phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Tại đơn khởi kiện và bản tự khai cùng ngày 23/12/2021 và trong quá trình xét xử nguyên đơn là chị Dương Thị Ngọc B trình bày: Chị và anh Trịnh Văn M chung sống với nhau vào năm 2005 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường Tân Thuận Tây, Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh vào năm 2006. Quá trình chung sống vợ chồng thời giang đầu sống hạnh phúc. Đến tháng 01 năm 2021phát sinh mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng với nhau về quan điểm sống. Từ đó anh chị sống ly thân cho đến nay. Nay nhận

thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn lại được, Chị B yêu cầu Tòa cho chị được ly hôn với anh M.

Về con chung: Có hai con chung tên Trịnh Ngọc Minh H - sinh ngày 13/09/2006 và Trịnh Ngọc Thu T - sinh ngày 28/10/2009. Hiện nay hai con chung đang sống với anh M. Khi ly hôn chị đồng ý giao hai con chung cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có

Về nợ chung: Không có.

***** Bị đơn là anh Trịnh Văn M đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có ý kiến và không có mặt để dự phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang phát biểu:

* Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Dương Thị Ngọc B, cho Chị B được ly hôn với anh Trịnh Văn M. Về con chung giao hai cháu Trịnh Ngọc Minh H - sinh ngày 13/09/2006 và Trịnh Ngọc Thu T - sinh ngày 28/10/2009 cho anh M Trực tiếp nuôi dưỡng vì hiện nay các cháu đang sống với anh M và có nguyện vọng được sống với cha. Về cấp dưỡng nuôi con, Chị B chưa phải cấp dưỡng nuôi con, do anh M chưa yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: : Nguyên đơn là chị Dương Thị Ngọc B vắng mặt, nhưng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn là anh Trịnh Văn M đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có mặt để tham dự phiên tòa. Hội đồng xét xử, quyết định xét xử vắng mặt Chị B anh M theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Dương Thị Ngọc B và anh Trịnh Văn M xác lập quan hệ hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường Tân Thuận Tây, Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh là hôn nhân hợp pháp. Tại đơn khởi kiện Chị B trình bày mâu thuẫn vợ

chồng do anh chị bất đồng với nhau về quan điểm sống và anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2021 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án anh M đã được Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng đúng theo quy định pháp luật, nhưng không phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Mặt khác anh M cũng không có biện pháp nào để hàng gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã trầm trọng, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần cho Chị B được ly hôn với anh M là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Có hai con chung tên Trịnh Ngọc Minh H - sinh ngày 13/09/2006 và Trịnh Ngọc Thu T - sinh ngày 28/10/2009. Khi ly hôn Chị B đồng ý giao hai con chung cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con. Quá trình giải quyết vụ án anh M không có văn bản trình bày ý kiến về con chung cũng như về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tại biên bản xác minh ngày 12/04/2022 trưởng ấp Tân Lược 1, xã Tân Lý Đông cho biết "nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng của anh chị không rõ, hiện nay hai con chung của Chị B anh M đang sống với anh M". Xét thấy việc Chị B tự nguyện giao con chung cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng là có cơ sở. Bởi vì từ khi anh chị sống ly thân đến nay, anh M là người trực tiếp chăm sóc con chung. Vì vậy, cần giao cháu Trịnh Ngọc Minh H và Trịnh Ngọc Thu T cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng và cũng theo nguyện vọng của các cháu là phụ hợp tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con, Chị B chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung, do anh M chưa yêu cầu.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

[5] Về án phí: Chị B phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm, được qui định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xét phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các vào các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 ; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị Ngọc B.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Dương Thị Ngọc B với anh Trịnh Văn M.

2. Về con chung: Giao hai con chung tên Trịnh Ngọc Minh H - sinh ngày 13/09/2006 và Trịnh Ngọc Thu T - sinh ngày 28/10/2009 cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng. Chị B chưa phải cấp dưỡng nuôi chung do anh M chưa yêu cầu.

Chị B được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở quyền này.

3. Về tài sản chung và nợ chung : Không có.

4. Về án phí: Chị Dương Thị Ngọc B phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đồng theo biên lai thu số 0003901 ngày 09/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Như vậy Chị B đã nộp xong án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CCTHADS huyện Châu Thành;
- UBND Phường Tân Thuận Tây, Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐÃ KÝ

Trịnh Phan Minh Trâm